TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2022
Về việc: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Huỳnh Hưởng

Bà: Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Bị đơn: **Phạm Tấn A,** sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2022, nguyên đơn Nguyễn Thị Diệm trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Tấn A kết hôn với nhau vào năm 2010 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Tấn A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Phạm Ah Thư, sinh ngày 23/7/2005; cháu hiện nay chị D đang nuôi dạy, nay chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Tấn A trình bày: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ hòa giải và xét xử nhưng anh A vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của anh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn và bị đơn có nơi trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với Phạm Tấn A, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị D là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị D là nguyên đơn, anh A là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh A tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh A hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh A được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh và chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D và anh A đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh A.

[3] *Về con chung:* Chị D và anh A tạo 01 con chung Phạm Ah Thư, sinh ngày 23/7/2005 hiện nay chị D đang nuôi dạy, nay chị D yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Phạm Ah Thư, sinh ngày 23/7/2005 sống chung với chị D hiện đang đi học ổn đinh, và nguyện vọng của cháu Thư muốn sống với chị D nên gần gũi ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Phạm Ah Thư, sinh ngày 23/7/2005, cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng, nên không xem xét. Ah A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Tấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ah Thư, sinh ngày 23/7/2005 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, anh A không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ah A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: *Chị Nguyễn Thị D phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 17/7/2022 chị D đã dự nộp 300.000 đồng* theo biên lai thu số 0005103 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy